

RYUKYU - MỘT TRƯỜNG HỢP PHÁT TRIỂN ĐỘC ĐÁO Ở KHU VỰC ĐÔNG Á THẾ KỶ XV-XVI

LÊ THỊ KHÁNH LY*

Trước khi trở thành một bộ phận của lãnh thổ Nhật Bản, Ryukyu vốn là một vương quốc độc lập và đạt đến độ phát triển thịnh đạt trong thế kỷ XV-XVI. Đường như khác với quy luật phát triển chung của hầu hết các quốc gia phương Đông đều được kiến dựng trên nền tảng của kinh tế nông nghiệp, Ryukyu đã không xây dựng đất nước trên cơ sở kinh tế nông nghiệp mà đã sớm có cái nhìn hướng biển và chú trọng phát triển nền kinh tế hải thương. Nhờ có kinh tế thương mại và bằng những chính sách đối ngoại khôn khéo, biết tận dụng thời cơ và vị trí địa lý có nhiều nét đặc thù, Ryukyu đã khẳng định được vị thế chính trị và kinh tế của mình trong các mối quan hệ, bang giao khu vực.

Từ những vương quốc nhỏ bé, sau khi thống nhất, Ryukyu đã trở thành một quốc gia mạnh, một trung tâm luân chuyển hàng hoá đồng thời là một mắt xích quan trọng trong hệ thống thương mại biển Đông suốt trong hơn hai thế kỷ. Điều quan trọng là, Ryukyu đã thoát khỏi nguy cơ bị đô hộ và phụ

thuộc nặng nề vào các nước lớn và trên thực tế đã có thể thực thi một chính sách đối ngoại chủ động và năng động.

I. Lịch sử Ryukyu

Ryukyu (Lưu Cầu) là tỉnh Okinawa của Nhật Bản hiện nay. Đó là một quần đảo có tổng diện tích 1.202 km² gồm 5 nhóm đảo chính: Okinawa, Miyako, Yaeyama, Daito và Sekaku. Các đảo trải dài theo hướng Bắc-Nam trên khoảng 1000 km theo hướng Đông-Tây, trong toạ độ 24-28^o vĩ Bắc và 123-131^o kinh Đông với đặc trưng khí hậu cận nhiệt đới⁽¹⁾.

Nằm ở phía Nam Nhật Bản, phía Đông đế chế Trung Hoa rộng lớn, trên vùng biển Đông, Ryukyu dường như nằm giữa tuyến giao thương Nhật Bản và Trung Quốc. Vị trí địa lý của nước này cũng khiến cho từ rất sớm, người Ryukyu cũng đã sớm có quan hệ với vùng Đài Loan và bán đảo Triều Tiên. Về tự nhiên, Ryukyu là một vương quốc nhỏ hẹp, tài nguyên thiên nhiên không thật phong phú. Trên thực tế, tiềm năng phát triển kinh tế nông nghiệp không

* Lê Thị Khánh Ly, Giảng viên Khoa Bảo tàng, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

đủ thoả mãn nhu cầu của dân cư Ryukyu. Nhưng, phía Nam Ryukyu là một vùng biển rộng lớn thông tới các thương cảng nổi tiếng của hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á. Với một vị trí địa lý như thế, Ryukyu được coi là “cửa ngõ” để tiến vào khu vực Đông Bắc Á, là cầu nối hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Đây là điều kiện thuận lợi để Ryukyu có thể phát triển kinh tế bằng việc hoà nhập vào hệ thống thương mại trong khu vực, đẩy mạnh kinh tế ngoại thương, tạo lực đẩy cho nền kinh tế hướng ra bên ngoài.

Tuy nhiên, trước thế kỷ XIV, Ryukyu chỉ là một quần đảo nhỏ bé, bị chia cắt về chính trị. Từ nửa sau thế kỷ XIV đến nửa đầu thế kỷ XV, trên quần đảo Ryukyu đã hình thành ba tiểu quốc được gọi là thời kỳ *Sanzantriritsu* (Tam sơn đỉnh lập) gồm: Trung Sơn (*Chuzan*) Nam Sơn (*Nanzan*) và Bắc Sơn (*Hokuzan*). Tình trạng phân cát đó khiến Ryukyu không thể phát huy được sức mạnh dân tộc. Do vậy, cùng với những nguyên nhân nội tại, thì những tác động từ môi trường chính trị khu vực cũng thôi thúc quá trình thống nhất dân tộc diễn ra nhanh chóng. Điều đáng chú ý là, trong bối cảnh quan hệ giao thương giữa Trung Quốc và Nhật Bản có nhiều trở ngại do việc nhà Minh theo đuổi chính sách hải cấm và chính quyền Nhật Bản tỏ ra bất lực trong việc ngăn chặn nạn cướp biển, sau khi nhà nước thống nhất ra đời, Ryukyu đã mau chóng tham gia vào hệ thống thương mại khu vực. Có thể nói, việc sớm tham gia vào những hoạt động giao thương trên biển và giữ vị trí cầu nối giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á đã tạo ra những bước phát triển vượt bậc cho vương quốc

này. Để khẳng định được vị trí và phát triển kinh tế đất nước, Ryukyu đã rất khôn khéo tận dụng được những thời cơ, thậm chí là tận dụng những mối bất hoà của các nước lớn để tăng cường vị thế của mình trong các mối quan hệ kinh tế và bang giao khu vực. Chính sức mạnh kinh tế và quan hệ đối ngoại mềm dẻo, năng động đó đã giúp vương quốc này có thể đứng vững trong nhiều thế kỷ.

Tuy nhiên, cũng phải thấy một thực tế rằng, vốn là một đảo quốc nhỏ, có vị trí tương đối biệt lập, lại gần kề với những quốc gia lớn của khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên... Ryukyu khó có thể thực thi một chính sách đối ngoại hoàn toàn chủ động và độc lập với các quốc gia láng giềng. Thậm chí, sự phát triển của Ryukyu chịu sự tác động sâu sắc bởi những điều kiện lịch sử và quan hệ quốc tế giữa các nước lớn trong khu vực.

Xác định rất chính xác tình thế và địa vị chính trị của mình, Ryukyu đã tìm ra con đường phát triển riêng và khá độc đáo bằng việc thực thi một chính sách đối ngoại “cân bằng quyền lực” với các quốc gia trong khu vực đặc biệt là với Trung Quốc và Nhật Bản dựa trên nền tảng kinh tế ngoại thương. Trong thời kỳ này, Ryukyu có 3 mục tiêu đối ngoại quan trọng nhất là Trung Quốc, Nhật Bản và các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

2. Chính sách đối ngoại vì sự phát triển của Ryukyu

2.1. Thân thuộc Trung Quốc

Ở khu vực Đông Bắc Á, Trung Quốc là nước có quan hệ với Ryukyu rất sớm. Trung Quốc tìm kiếm ở đây hai thứ

hàng quan trọng là lưu huỳnh làm thuốc súng và ngựa chiến hoặc ngựa thồ⁽²⁾. Phục vụ cuộc chiến Minh - Nguyên, “Ryukyu trở thành người đứng giữa - nhân vật trung gian cung cấp cho cả hai bên một lượng lớn lưu huỳnh, ngựa và thu về được những nguồn lợi lớn”⁽³⁾.

Từ cuối thế kỷ XIV, cả ba tiểu quốc trên quần đảo Ryukyu đều rất sớm thần phục triều Minh. Khởi đầu là việc nhà Minh cử sứ bộ sang Trung Sơn yêu cầu nước này phải chịu thần thuộc và thực hiện chế độ cống nạp vào năm 1372. Yêu cầu đó đã được Trung Sơn chấp nhận. Năm 1372, Vua Trung Sơn là Satsudo (Sát Độ) đã đặt quan hệ mậu dịch và triều cống với Trung Quốc, tiếp theo là Nam Sơn (1380) và Bắc Sơn (1383). Theo Geoff Wade thì trong “Minh thực lục” đã ghi lại cụ thể số lần mậu dịch, triều cống sang Trung Quốc của Ryukyu cho đến năm 1429 (là mốc đánh dấu Tam Sơn thống nhất). Theo đó, vương quốc Bắc Sơn khoảng 11 lần, Nam Sơn khoảng 24 lần và Trung Sơn khoảng 42 lần⁽⁴⁾. “Nhà Minh đã thực hiện kế hoạch “một mũi tên bắn trúng 2 đích”: tăng cường sự phụ thuộc của Ryukyu vào Trung Quốc và chiếm lĩnh được được một vùng đất có nhiều lưu huỳnh và ngựa. Nhờ đó, quan hệ thương mại giữa Ryukyu và Trung Quốc ngày càng phát triển mạnh mẽ”⁽⁵⁾.

Sau khi thống nhất, Ryukyu trở thành một vương quốc do vua Trung Sơn đứng đầu và tiếp tục theo đuổi chính sách đối ngoại phục tùng nhà Minh, phát triển ngoại thương. Giống như các nước thần thuộc khác của Trung Quốc, các phái bộ và thuyền buôn của Ryukyu phải thường xuyên đến

Trung Quốc để vừa dâng tặng cống vật vừa tiến hành các hoạt động thương mại.

Việc chính quyền Ryukyu cố gắng thiết lập quan hệ với nhà Minh và bản chất của mối quan hệ đó từng được một số học giả Nhật Bản và quốc tế nêu ra nhiều quan điểm tương đối khác biệt. Tuy nhiên, nhìn chung, ta có thể nhận thấy Ryukyu đã đạt được ba lợi ích lớn trong mối quan hệ này:

Thần thuộc và cống nạp thường xuyên với nhà Minh (và cả nhà Thanh sau này) là một chính sách đối ngoại khôn khéo của Ryukyu. Trở thành một nước “chư hầu” nhưng Ryukyu lại *khẳng định được vị thế chính trị độc lập* của mình dưới danh nghĩa được “thiên triều” công nhận.

Hơn thế nữa, lợi dụng sự bảo hộ của Trung Quốc, Ryukyu được quyền tiến hành các hoạt động buôn bán trong khu vực ảnh hưởng rộng lớn của Trung Hoa, được Trung Hoa cho phép và tạo điều kiện ưu ái, hỗ trợ về phương tiện đi biển, hoa tiêu, giấy phép, và cả nguồn cung cấp hàng hóa. “Uy quyền của Trung Quốc đã đảm bảo cho sự an toàn của tất cả các hoạt động thương mại quốc gia của vương này”⁽⁶⁾. Trong các văn thư ngoại giao Ryukyu gửi đến các quốc gia Đông Nam Á luôn có kèm theo một giấy thông hành (*certificate stamped*) do hoàng đế nhà Minh cấp. Trong văn bản quốc vương Ryukyu gửi quốc vương Malacca nói rất rõ: “Hoàng đế (đại Minh) đã cấp cho chúng tôi một giấy thông hành có dấu với kí hiệu Hussan và số hiệu 174 cho Chánh sứ Kamadu...”⁽⁷⁾. Như vậy, kèm theo mỗi giấy thông hành là tên một con thuyền và số hiệu của nó do Trung Quốc cấp

như một sự bảo đảm tính chất hợp pháp của đoàn thương thuyền đó trong hệ thống thương mại của khu vực. Cần nói thêm rằng, trong một thời gian dài, Trung Quốc thường xuyên cung cấp thuyền đi biển (thậm chí cả việc sửa chữa tàu thuyền khi bị hư hỏng) cho Ryukyu. Có lẽ, chính quyền Ryukyu nhận số hiệu và kí hiệu thuyền từ Trung Quốc sau đó cấp cho các phái bộ của mình.

Ryukyu cũng đạt được những lợi ích không nhỏ về mặt vật chất: Số quà biếu của Ryukyu đem sang Trung Quốc có thể là nhiều so với các nước khác nhưng số lượng sản vật Trung Quốc tặng lại cho Ryukyu cũng không phải là con số nhỏ. Hiển nhiên, thông qua việc ban cấp đó triều đình Trung Hoa cũng muốn thể hiện uy quyền của mình với các nước chư hầu. Số tặng phẩm đó thường xuyên là các thuyền đi biển cỡ lớn. Trong 54 năm (1385-1439) nhà Minh đã cấp cho Ryukyu 30 thuyền đi biển. Các thuyền này đều có thể dùng để đi biển xa và trong trường hợp bị hư hại thì sẽ được nhà Minh giúp đỡ sửa chữa. Ngoài hàng hoá, mỗi thuyền còn có thể chở thêm khoảng 250 người. Một thuyền triều cống của Ryukyu đến Trung Quốc năm 1470 đã chở được 366 người và 20 con ngựa, 20.000 cân lưu huỳnh cùng một số lượng lớn gỗ vang (*sapan wood*) và nhiều loại hàng hóa khác⁽⁸⁾.

Chắc chắn là Ryukyu đã đạt được những mục tiêu đặt ra khi thiết lập mối quan hệ ngoại giao như thế với Trung Quốc. Bởi vì, trong khoảng thế kỷ XIV-XVI, Ryukyu đã đạt đến đỉnh cao sự phát triển và trở thành một mắt xích quan trọng trong hệ thống thương mại trên biển, là cầu nối giữa hai khu vực

Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Khoảng đầu những năm 30 của thế kỷ XV, Trung Sơn đã trở thành vương quốc có mối quan hệ qua lại với nhà Minh thường xuyên trong vài thế kỷ sau đó. Những phái bộ Ryukyu luôn cố gắng để giành được nhiều thuận lợi nhất và có được "vị trí đặc biệt" trong cái nhìn của nhà Minh. Và Ryukyu cũng thực sự dành được sự ưu ái đặc biệt của nhà Minh: "... lợi ích mà các thành viên trên các đoàn tàu Ryukyu mang về từ vương triều Minh gồm nhiều loại và thường là thành công theo mong muốn của họ. Trên thực tế thì nhà Minh đã cung cấp những con thuyền vượt biển lớn cho người Ryukyu, điều đó cho thấy vai trò quan trọng của vương quốc này trong chính sách đối ngoại của nhà Minh. Những lợi ích thương mại ngày càng rõ ràng hơn đối với Ryukyu"⁽⁹⁾.

Vào thời Minh, có khoảng trên 170 đoàn sứ thần Ryukyu đến Trung Quốc, đó là con số lớn nhất so với bất cứ vương quốc nào có quan hệ với Trung Quốc. Sự xuất hiện thường xuyên của các phái bộ Ryukyu chứng tỏ đảo quốc này ở vị thế phụ thuộc không giống với các nước chư hầu khác trong hệ thống thương mại của nhà Minh: nhà Minh áp đặt "mức độ hạn chế", mà trước hết là mức thuế đánh vào hàng hóa, cho Ryukyu không giống với các nơi khác trong mối quan hệ với Trung Quốc. Nói chung, nhà Minh xếp Ryukyu là một nước được nhận những "cách đối xử đặc biệt" với nhiều đặc quyền, đặc lợi từ Hoàng Đế nhà Minh. Điều đó có nguyên nhân từ tầm quan trọng của Ryukyu là một lãnh thổ có nhiều điều kiện thuận lợi trong hệ thống thương mại ở phía Bắc Trung Quốc, giống như Malacca và Hami (cùng

nhận được nhiều đặc quyền do vị trí địa lý thuận lợi trong hệ thống buôn bán biển Đông).

Trong khi đó, Trung Quốc không biểu hiện thái độ can thiệp trực tiếp vào công việc nội bộ của Ryukyu. Sự thần thuộc của Ryukyu đối với nhà Minh chủ yếu được thể hiện trong việc công nhận uy quyền tuyệt đối của hoàng đế nhà Minh như những khi thái tử lên nối ngôi đều phải chờ đợi sự công nhận của nhà Minh, hàng năm Ryukyu phải cử sứ thần đến cống nạp (đáp ứng một số nhu cầu hàng hóa mà Trung Quốc cần) và bày tỏ lòng trung thành đối với Trung Quốc. Trong một số trường hợp, Ryukyu đóng một vai trò như một vị trí trung gian trong mối quan hệ giữa Trung Quốc với Nhật Bản và một số quốc gia khu vực. Sự kiện năm 1432 là một ví dụ điển hình: nhà Minh thường tranh thủ các sứ thần của họ để “chỉ thị” cho Nhật Bản. Đây cũng là một hiện tượng khá phổ biến trong suốt thời trị vì của Minh Thành Tổ (Vĩnh Lạc) trong quan hệ đối ngoại với các nước Đông Nam Á.

2.2. Trung lập với Nhật Bản

Thế kỷ XIV-XV, Nhật Bản đắm chìm trong các cuộc chiến tranh nhằm tranh giành quyền lực và đất đai giữa các lãnh chúa. Tuy nhiên, chính trong thời kỳ loạn lạc đó, nhu cầu tiêu dùng hàng hoá ở Nhật Bản đã tăng lên rất cao. Vì thế, Nhật Bản lúc này rất cần buôn bán và phát triển kinh tế ngoại thương. Một trong những đối tác buôn bán lớn nhất của Nhật Bản khi đó là Trung Quốc. Nhưng do chính quyền trung ương chưa có khả năng thu tóm lực lượng và quản lý đất nước một cách chặt chẽ nên nạn

cướp biển (*Wako-Hoà khấu*) lộng hành trên khắp các vùng biển. “Cả người Trung Hoa và Triều Tiên đều lo ngại vì *Wako*. Không phải ngẫu nhiên mà hoàng đế Hồng Vũ nhà Minh từng cho rằng nạn cướp biển là hiểm hoạ nghiêm trọng nhất. Người Trung Hoa sợ cướp biển vì các thuyền buôn của họ thường bị tấn công bất ngờ. Mặt khác, nhà cầm quyền Nhật Bản cũng cố tình làm ngơ không muốn (và trên thực tế là không thể) tiêu trừ nạn cướp biển. Trong điều kiện đất nước đang diễn ra những cuộc chiến tranh gay gắt giữa các tập đoàn lãnh chúa chính quyền trung ương đã không thể kiểm soát tình hình chính trị đất nước và giới võ sĩ miền Tây Nam⁽¹⁰⁾. Đó là một trong những nguyên nhân chính khiến Trung Quốc thực hiện chính sách cấm hải và từ chối mọi cố gắng thiết lập lại quan hệ thương mại của Nhật Bản với Trung Quốc.

Chính sách cấm hải của triều Minh được ban hành thì phạm vi hoạt động và điều kiện phát triển kinh tế ngoại thương của Nhật Bản bị giảm sút nhanh chóng. Hơn nữa, do hoạt động của những toán cướp biển nên thương nhân và chính quyền các nước khác cũng rất e dè khi tiến hành buôn bán với người Nhật. Trong khi đó, nhu cầu hàng hoá ngoại nhập của Nhật Bản không hề giảm bớt mà ngày càng cao hơn, đặc biệt là hàng hoá từ Trung Quốc. Nhật Bản cần hàng hoá nhưng lại chưa có điều kiện để mở rộng quan hệ giao thương mạnh mẽ với bên ngoài. Nhân cơ hội ấy, Ryukyu tận dụng vị trí cửa ngõ của mình để làm cầu nối Trung Quốc với Nhật Bản, nối Đông Bắc Á với Đông Nam Á.

Cả Nhật Bản và Trung Quốc đều nhận thấy rằng Ryukyu có thể đảm đương (và có thể lợi dụng được Ryukyu) trong vai trò trung gian thương mại giữa họ với nhau và với các nước khác để tránh rơi vào tình thế bị cô lập về kinh tế và đối ngoại, nhất là đối với Nhật Bản. Là một trong những nước có vị trí gần Ryukyu nhất, lại có lãnh địa Satsuma vốn có mối quan hệ truyền thống với Ryukyu, Nhật Bản nhanh chóng thiết lập quan hệ ngoại giao với Ryukyu và đẩy mạnh kinh tế thương mại. Từ đầu thế kỷ XV, thuyền buôn Nhật Bản đã đem theo nhiều hàng hoá đến cảng Naha của Ryukyu để mua về các sản vật của Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á. Ryukyu trở thành một vị trí quan trọng trong giao thương kinh tế ở khu vực. “Vào thế kỷ XV- XVI, trong khi trong khi triều đình phong kiến Trung Hoa tiếp tục duy trì cách nhìn hướng nội, tự hạn chế hoạt động kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; Nhật Bản thì bị chìm đắm trong các cuộc tranh giành quyền lực và đất đai giữa các lãnh chúa thì Ryukyu đã vươn lên, khẳng định được vị thế của mình ở Đông Bắc Á với tư cách là một cường quốc thương mại”⁽¹¹⁾. Sự khôn khéo đặc biệt của triều đình Shuri là ở chỗ họ đã biết tận dụng chính những mâu thuẫn của các quốc gia lớn trong khu vực cũng như những yếu điểm của các nước lớn để tìm thấy cơ hội phát triển vượt bậc của mình.

Là một nước nhỏ, Ryukyu nhanh chóng trở thành mục tiêu tấn công của Nhật Bản. Tự coi mình là một nước lớn trong khu vực, Nhật Bản muốn mở rộng ảnh hưởng xuống phương Nam. Năm 1609, sau một thời gian cố gắng tạo mối

quan hệ thân thiết và trung lập với Nhật Bản, Ryukyu không thể ngăn cản được áp lực ngày càng mạnh mẽ của Nhật Bản và cuối cùng đã bị lãnh địa Satsuma chinh phục. Nhưng với việc thực thi chính sách ngoại giao khôn khéo Ryukyu vẫn duy trì được nền độc lập tương đối của mình và dựa vào Trung Quốc để thiết lập mối quan hệ đối trọng với các nước. Trong ý nghĩa đó, *Trung Quốc lại trở thành một nhân tố có ảnh hưởng rất lớn đến chính sách của Nhật Bản đối với Ryukyu*. Vấn đề Wako khiến cho Trung Quốc luôn e ngại trong quan hệ với Nhật Bản. Bên cạnh đó, nếu như người Nhật Bản xuất hiện công khai ở Ryukyu thì Trung Quốc sẽ từ chối quan hệ thương mại và lập tức đóng cửa một số những thương cảng quan trọng như Chương Châu, Phúc Châu... và điều đó cũng có nghĩa là chủ trương tìm nguồn lợi kinh tế ở Trung Quốc thông qua Ryukyu của Nhật Bản sẽ bị thất bại. Trong khi đó, mối quan tâm lớn nhất của Nhật Bản ở Ryukyu là nguồn lợi thương mại từ Trung Quốc. Nhật Bản nhanh chóng nhận ra rằng để quan hệ thương mại đó được tiến hành thuận lợi thì điều cần thiết là trong cách nhìn nhận của Trung Quốc, Ryukyu phải luôn luôn hiện diện như một “nước không chịu sự thống trị của Nhật Bản”⁽¹²⁾ ngay cả khi Ryukyu đã bị lãnh địa Satsuma chinh phục (1609). Và Ryukyu được yêu cầu hạn chế đến mức tối đa mọi quan hệ công khai chính thức với Nhật Bản. Để không gây nên những nghi kỵ từ phía Trung Quốc, Ryukyu luôn phải “biện giải” mối quan hệ với Nhật Bản rằng đó là mối quan hệ “vốn được thiết lập từ nhiều thế kỷ trước”.

Tuy thực hiện chính sách đối ngoại cùng thân thuộc hai đế chế lớn là Nhật Bản và Trung Quốc nhưng cả hai nước này đều không thể kiểm soát được toàn bộ hoạt động của Ryukyu. Nhận thức được vị thế của mình trong quan hệ với Nhật Bản và Trung Quốc, để tồn tại, Ryukyu đã chủ trương duy trì chính sách ngoại giao nước đôi trung lập. Trên thực tế, Ryukyu đã khẳng định được vị trí của mình bằng chính sách đó.

Từ năm 1620 trở đi, chính “nhân tố Trung Hoa” đã buộc Nhật Bản phải nới lỏng sự kiểm soát đối với chính quyền Ryukyu. Về cơ bản, Ryukyu giành lại được quyền tổ chức bộ máy hành chính và thực thi luật pháp mặc dù Satsuma vẫn nắm quyền chi phối trong việc lập ngôi vị tể tướng và lựa chọn nội các của triều đình Naha.

Có thể nói, bằng đường lối đối ngoại mềm dẻo, Ryukyu đã biết tận dụng những cơ hội thuận lợi có được để khẳng định vị thế của mình. *“Ryukyu sớm nhận thức được vị trí trung gian của mình trong một hệ thống các đặc quyền về kinh tế, quân sự, chính trị chằng chéo giữa Trung Quốc và Nhật Bản... Do chịu sức ép liên tục từ phía Nhật Bản và cũng nhận thức được vị thế của mình trong quan hệ với Trung Quốc, nên để tồn tại, chính quyền Shuri đã chủ trương duy trì một thái độ nước đôi, trung lập”*⁽¹³⁾. Trên cơ sở chính sách đối ngoại đó, Ryukyu đã hình thành và phát triển một nền kinh tế có vị trí trong khu vực. Đứng trước Trung Quốc và Nhật Bản đều cần hàng hoá, Ryukyu đã có nhiều cơ hội để vừa phát triển kinh tế, vừa khẳng định vị thế của mình trong khu vực.

Nhưng để đạt được mục tiêu đó, Ryukyu cần có hàng hoá - những thứ

mà Trung Quốc và Nhật Bản và cả những nước khác trong khu vực cần. Những loại hàng hoá đó Ryukyu có thể lấy được chính là ở những quốc gia vùng biển phía Nam xa xôi - khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á trở thành một trong những đối tượng ngoại giao quan trọng của Ryukyu, đặc biệt trong thế kỷ XIV-XVI.

2.3. Mở rộng quan hệ bang giao với các nước Đông Nam Á

Mục đích đầu tiên của Ryukyu khi mở rộng quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á là tìm kiếm lợi ích kinh tế (bên cạnh mục đích chính trị muốn thiết lập quan hệ bang giao và khẳng định vị thế của vương quốc mình). Nói một cách chính xác thì việc *mở rộng quan hệ ngoại giao với các quốc gia Đông Nam Á của Ryukyu trước hết là vì nhu cầu phát triển kinh tế thương mại*, vì hàng hoá mà đất nước này cần có để trao đổi, buôn bán với các quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á khác như Nhật Bản, Trung Quốc và Triều Tiên.

Thiết lập quan hệ kinh tế thương mại với các quốc gia Đông Nam Á là một trong những trọng tâm trong chính sách kinh tế và ngoại giao của Ryukyu đối với khu vực này. Điều đó được thể hiện rất rõ trong các văn bản mà triều đình Ryukyu gửi tới Đông Nam Á được thống kê trong công trình nghiên cứu của hai tác giả Nhật Bản Atsushi Kotaba và Mitsugu Matsuda⁽¹⁴⁾.

Trong tất cả các bức thư của vua và tể tướng Ryukyu gửi tới các quốc gia đều đề cập tới việc yêu cầu chính quyền các nước tạo điều kiện cho các phái bộ và đoàn thương nhân của họ *“được trao*

đổi, mua bán hàng hoá thuận lợi" tại các khu vực được phép buôn bán trong phạm vi lãnh thổ của vương quốc đó. Điều đó được thể hiện rất rõ ràng và thẳng thắn, thậm chí ngay từ câu mở đầu của quốc thư đã nói rõ lý do kinh tế của chuyến đi. Phần lớn các văn bản từ Ryukyu gửi đến các nước (đặc biệt là đến Siam) được bắt đầu như sau: "*Vua Trung Sơn, vương quốc Ryukyu, kính gửi tới đức vua Siam lời cảm ơn trân trọng và mong muốn thiết lập quan hệ thương mại với quý quốc*", "*Vua Trung Sơn, vương quốc Ryukyu, trân trọng kính gửi tới đức vua vĩ đại của vương quốc Malacca ước muốn tiếp tục quan hệ thương mại tốt đẹp...*", "*Đức vua Trung Sơn quốc trân trọng thông báo những vấn đề về việc buôn bán*"...⁽¹⁵⁾. Đường như Ryukyu muốn thể hiện và xác định rõ thái độ cũng như mục đích kinh tế của mình cho các nước hiểu trong quan hệ đối ngoại.

Nội dung các văn bản ngoại giao đó thường không dài. Ngoài một số có thêm nội dung đặc biệt, còn lại hầu hết các văn bản thường bắt đầu bằng thể thức xã giao, sau đó là thông báo ký hiệu, số hiệu thuyền và thành viên phái bộ. Tiếp theo, các bức thư đều viết rõ ràng: "*thuyền các phái bộ sẽ có kèm theo một số lượng hàng hoá nhất định*" và "*kính mong quý quốc sẽ tạo điều kiện cho họ (chỉ phái bộ) được buôn bán thuận tiện và cho phép họ được quay về vào lúc thuận gió*". Trong những văn bản gửi tới Siam, Malacca, Palembang, Java... thường có kèm theo một danh sách quà biếu những quốc vương ở các quốc gia đó. Các bức thư đều ghi rõ ngày, tháng năm cụ thể.

Như vậy, các chuyến đi đem theo các văn bản ngoại giao như thế có bao hàm

nội dung quan trọng là mục đích kinh tế, trao đổi buôn bán hàng hoá với nước sở tại. Ngay cả số lượng quà biếu kèm theo cũng như là một hàng hoá để cảm ơn và nhờ vả các nước giúp đỡ để được buôn bán thuận lợi hơn. Theo những số liệu ghi lại trong các văn bản thì mỗi chuyến đi của một phái bộ Ryukyu thường có từ một đến hai thuyền (có chỗ hàng hoá) và hàng trăm người (khoảng từ 200-300). Chắc chắn, những người được "kê danh sách" cụ thể như thế thì không thể chỉ là những người phục vụ phái bộ mà phải bao gồm cả những thương nhân dưới quyền quản lý của chính quyền Ryukyu được cử đi cùng để thực hiện hoạt động buôn bán.

Khi xem xét thời gian viết của các văn bản ngoại giao được gửi đi từ Ryukyu, ta sẽ thấy thường thì các văn bản được viết vào tháng 10, 11, 12 (theo dương lịch hiện nay). Đó là thời điểm sắp có gió mậu dịch và mùa buôn bán ở các nước Đông Nam Á bắt đầu. Như vậy, các phái bộ của Ryukyu sẽ đến các quốc gia Đông Nam Á vào đúng mùa mậu dịch, lại mang theo hàng hoá. Có thể thấy mục đích kinh tế bộc lộ rất rõ. Liên quan đến việc thương mại, ngoài mục đích yêu cầu tạo điều kiện buôn bán cho các sứ thần, đối với một số nước, ở một số văn bản còn có mục đích muốn giải quyết những khúc mắc, tranh chấp trong quan hệ buôn bán giữa hai nước hoặc nêu lại quan hệ buôn bán thương mại giữa Ryukyu và nước đó⁽¹⁶⁾.

Quan hệ bang giao giữa Ryukyu với các nước Đông Nam Á phụ thuộc rất lớn vào quan hệ buôn bán, trao đổi hàng hoá với các bên. Buôn bán thuận lợi, quan hệ bang giao sẽ tốt đẹp. Ngược lại, quan hệ buôn bán có những trục trặc

không giải quyết được thì lập tức mối bang giao giữa hai nước sẽ bị cắt đứt với sự đình chỉ các phái bộ đến nước đó. Và nguyên nhân bắt đầu lại quan hệ buôn bán giữa hai nước cũng là vì điều kiện buôn bán được dễ dàng hơn trước. Như vậy, Ryukyu thiết lập quan hệ tốt đẹp với các quốc gia Đông Nam Á mục đích chính là vì lợi ích kinh tế, vì Ryukyu cần buôn bán trao đổi hàng hoá với các nước này.

Công trình nghiên cứu của A.Kotaba và M.Matsuda đã công bố 97 văn bản ngoại giao giữa Ryukyu và các quốc gia châu Á. Ngoài 18 văn bản của Ryukyu gửi tới Triều Tiên trong giai đoạn 1430-1638, cuốn sách đã tập trung giới thiệu 79 văn bản ngoại giao⁽¹⁷⁾ Ryukyu gửi tới 7 nơi ở Đông Nam Á là **Siam, Malacca, Java, Palembang, Suda-Karapa, Patani** và **An-nam** trong khoảng thời gian từ 1425-1518. Nếu tính cả những chuyến đi không thấy có văn bản trong

danh sách thống kê kèm theo thì sẽ có 88 chuyến trong thời gian từ năm 1425 đến năm 1570.

Trong tất cả các quốc gia Đông Nam Á mà Ryukyu đặt quan hệ ngoại giao thời kì này thì quan hệ của Ryukyu với Siam được thiết lập sớm nhất, đồng thời cũng duy trì thường xuyên và lâu dài nhất. Trong tổng số 79 văn bản ngoại giao trong công trình trên, có 37 văn bản ngoại giao của Ryukyu trao đổi với Siam, sau đó là đến Malacca (19 văn bản), Palembang (10 văn bản), Java (6 văn bản), Sumatra (3 văn bản), Patani và An-nam (1 văn bản)⁽¹⁸⁾. Nhìn vào con số thống kê, ta sẽ thấy quan hệ giữa Ryukyu và Siam có sự gắn bó đặc biệt với một số lượng thư trao đổi hơn nhiều so với các nước khác trong khu vực.

Bảng thống kê số văn bản ngoại giao trao đổi giữa Ryukyu và các quốc gia Đông Nam Á

Stt	Nước	Số văn bản	Thời gian gửi văn bản đầu tiên	Thời gian gửi văn bản cuối cùng
1	Siam	37	1425	1509
2	Malacca	19	1463	1511
3	Java	6	1430	1442
4	Palembang	10	1428	1440
5	Sumatra	3	1463	1468
6	Sunda-Karapa	2	1513	1518
7	Patani	2	1515	1543
8	An-nam	1	1509	

Nguồn: số liệu thống kê trong *Reikidai hoan*. Xem A.Kotaba & M.Matsuda "Ryukyuan Relations with Korean and South Sea Countries", Kawakita Printing Co.Ltd, Kyoto, Japan 1969. Trong *Reikidai hoan* còn một bảng thống kê 22 lần phái bộ Ryukyu đến Siam từ 1509 đến 1570 nhưng không có thư kèm theo.

Khác với Nhật Bản và Trung Quốc, quan hệ giữa Ryukyu và các quốc gia Đông Nam Á là *quan hệ hai chiều* và tương đối bình đẳng. Cùng với những chuyến thuyền được cử đến Đông Nam Á, Ryukyu cũng đã đón nhận hai chuyến thuyền từ Palembang đến vào năm 1431, 5 chuyến từ Malacca (1469-1481)... Đó chỉ là những chuyến đi được xác định trong các văn bản còn lưu giữ được, trên thực tế, có lẽ số thuyền đến Ryukyu còn nhiều hơn nữa. Không thể chỉ dựa vào số lượng văn bản ngoại giao giữa Ryukyu và các quốc gia để đánh giá mức độ mật thiết giữa các quốc gia này, nhưng qua đó ta cũng thấy được một cách cơ bản về vấn đề đó.

Có thể nói, thế kỷ XV-XVI là thời kỳ *Ryukyu đã mở rộng quan hệ bang giao với các quốc gia Đông Nam Á*. Thậm chí, xét trong lịch sử Ryukyu thì *chưa bao giờ Ryukyu lại có chính sách mở rộng ngoại giao như ở giai đoạn này*. Quan hệ của Ryukyu không còn bó hẹp trong vùng Đông Bắc Á với Trung Quốc, Nhật Bản và Triều Tiên nữa mà đã tiến sang khu vực Đông Nam Á rộng lớn. Đó là những bước đi quan trọng để Ryukyu thâm nhập vào "*hệ thống thương mại biển Đông*", mục tiêu chính trong chính sách đối ngoại của Ryukyu thời kỳ này. Và, bằng sự khôn khéo của mình, không chỉ thâm nhập vào hệ thống buôn bán đó, Ryukyu đã dành được vị thế khá quan trọng, là cầu nối giữa hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á, khẳng định vị thế độc lập của mình. "Trong những thế kỷ XV – XVI, ở quần đảo Lưu Cầu (Ryukyu) thuộc vùng Tây Nam Nhật Bản ngày nay đã trở thành một căn cứ điểm mậu dịch trung chuyển

giữa Trung Quốc với Đông Nam Á và giữa Trung Quốc với Nhật Bản. Trong thời gian đó, quan hệ buôn bán tư nhân và mậu dịch triều cống giữa vương quốc Lưu Cầu với các nước trong vùng đã đạt đến mức đỉnh điểm"⁽¹⁹⁾. Ryukyu trở thành một "trạm trung chuyển hàng hóa quan trọng trong khu vực và dường như nắm độc quyền trong quan hệ buôn bán với Đông Nam Á, đặc biệt là với Siam và Malacca"⁽²⁰⁾.

3. Sự suy tàn của Ryukyu

Sau gần hai thế kỷ phát triển thịnh đạt của nền kinh tế thương mại, cuối thế kỷ XVI, kinh tế Ryukyu bắt đầu có những biểu hiện suy thoái. Sự suy thoái của Ryukyu do tác động mạnh mẽ của những nhân tố trong nước và quốc tế. Ryukyu đã mất dần những cơ hội để tiếp tục phát triển kinh tế ngoại thương của mình đã từng có. Đặc biệt là từ năm 1511, Bồ Đào Nha chiếm Malacca, hệ thống buôn bán Đông Nam Á bị xáo trộn nghiêm trọng. Sự xâm nhập của Bồ Đào Nha vào Malacca là mở đầu cho việc hàng loạt các nước phương Tây khác xâm nhập vào khu vực này và chiếm lĩnh thị trường buôn bán ở Đông Nam Á. Do bị các đoàn tàu buôn phương Tây cạnh tranh và uy hiếp bằng vũ lực, hoạt động buôn bán của thương nhân Đông Nam Á bị suy giảm nhanh chóng. Một trong những nhân tố quan trọng nhất trong những mối quan hệ ngoại giao của Ryukyu là có được những loại hàng hóa cần thiết cho quan hệ thương mại. Điều đó giải thích tại sao Ryukyu lại phát triển trở thành một "trung tâm xuất nhập khẩu", trực tiếp mua bán hàng hóa từ Nhật Bản, Triều Tiên đến

Đông Nam Á và Trung Quốc. Hiển nhiên, hoạt động ngoại thương là một trong những động lực quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của vương quốc này. Và khi Ryukyu mất những nguồn cung cấp hàng hóa như trước đây, Ryukyu cũng nhanh chóng đi vào suy yếu.

Sự suy thoái của nền kinh tế Ryukyu do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trước hết là do sự xuất hiện của các đoàn thuyền buôn phương Tây có nhiều ưu thế hơn về điều kiện vật chất, kỹ thuật và quân sự. Bên cạnh đó, sự suy thoái của Ryukyu còn là do những thay đổi mạnh mẽ của chính hệ thống buôn bán khu vực Đông Nam Á. Thế kỷ XVI, cùng với sự suy giảm của hệ thống thương mại biển Đông, những hoạt động buôn bán của tư nhân và dân sự đã vươn lên đóng vai trò chủ đạo, *sự thâm nhập mạnh mẽ của đội ngũ thương nhân Nhật Bản và Trung Quốc vào khu vực này cũng là một nguyên nhân khác nữa làm triệt tiêu lợi thế thương mại của Ryukyu*. Đó là một phần kết thúc của thời kỳ hưng thịnh Đông Á cũng là của Ryukyu. Kết thúc của “thời đại thịnh vượng” của Ryukyu và việc nhà Minh cấp giấy phép cho thuyền các nước được buôn bán trực tiếp giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á và sự xâm chiếm quần đảo của lãnh chúa Shimazu năm 1609 đã làm mất vị trí cầu nối quan trọng của vương quốc này. Hơn thế nữa, có ý kiến còn cho rằng *“cuộc chiến tranh thống nhất của Nhật Bản đã đặt dấu chấm hết cho sự thịnh vượng của thương mại Ryukyu”*⁽²⁰⁾. Do vậy, vị trí cầu nối hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á của vương quốc này không còn phát huy được nữa.

Nhìn lại lịch sử phát triển của vương quốc Ryukyu, chúng ta thấy rằng sự hưng thịnh và suy yếu của quốc gia này luôn gắn liền với nền kinh tế thương mại. Khoảng hai thế kỷ ấy, buôn bán quốc tế là nguồn thu nhập chính của đảo quốc. Để đủ sức kiểm soát và quản lý được hệ thống kinh tế đó, triều đình Shuri đã phải thiết lập một cơ chế hành chính đặc biệt để đảm đương chức năng *“chuyển giao hàng hoá quốc tế”*. Trong thời kỳ kinh tế thương mại phát triển thịnh vượng, cuộc sống của tầng lớp quý tộc Ryukyu dựa nhiều vào nguồn thu nhập từ buôn bán trên biển. Nhưng khi việc giao lưu buôn bán với các quốc gia Đông Nam Á không còn phát triển được nữa, Ryukyu không còn có được cơ sở cần thiết cho sự phát triển của một nền kinh tế ngoại thương nữa. Không còn cách nào khác, đất nước này lại trở về với môi trường kinh tế Đông Bắc Á, tiếp tục một nền kinh tế với hướng chủ đạo là sản xuất nông nghiệp, phát triển các ngành kinh tế trong nước. *Vương quốc biển Ryukyu không còn vị thế là một vương quốc thương mại nữa nhưng sự phát triển của nó trong hai thế kỷ đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử thương mại châu Á*.

CHÚ THÍCH

1. Nguyễn Văn Kim *“Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á”* – Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2003 trang 62.
2. Qua công trình nghiên cứu của A. Kotaba và M. Matsuda, ta thấy lưu huỳnh là

mặt hàng khá phổ biến của thương nhân Ryukyu trong các chuyến đi.

3. *Takara Kurayoshi*: "The Kingdom of Ryukyu and its overseas trade" – "Sources of Ryukyuan History and Culture in European Collections", Monographien aus dem Deutschen Institut für Japanstudien der Phillip-Franz-von-Siebold-Stiftung, page 46
4. *Geoff Wade*: "Referrences to Ryukyu in Ming-shi-lu", Workshop on Northeast Asia in Maritime Perspective: A dialogue with Southeast Asia.
Tuy nhiên, theo Kin Seiki trong bài viết "Mậu dịch Đông Nam Á của vương quốc Ryukyu và đồ gốm sứ Việt Nam phát hiện được ở Okinawa" (Hội thảo quốc tế: *Quan hệ Việt – Nhật thế kỷ XV – XVII qua giao lưu gốm sứ*. Hà Nội 1999) thì số phái bộ của 3 tiểu quốc này đến Trung Quốc thời gian này nhiều hơn: Bắc Sơn 18 lần, Nam Sơn là 30 lần và Trung Sơn là 70 lần.
5. *Takara Kurayoshi*, "The Kingdom of Ryukyu and its overseas trade", đã dẫn, page 46.
6. Geoff Wade, đã dẫn.
7. *A. Kotaba & M. Matsuda*, "Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries", Kawakita Printing Co.Ltd, Kyoto, Japan 1969, tr. 123
8. *Shunzo Sakamaki*: "Ryukyu and Southeast Asia", The Journal of Asian Studies, Vol. XXIII, No3, May 1964
9. *Geoff Wade*: "Referrences to Ryukyu in Ming-shi-lu", Workshop on Northeast Asia in Maritime Perspective: A dialogue with Southeast Asia.
10. *G.B Samson*, "Lịch sử Nhật Bản", Tập 2 – NXB Khoa học Xã hội Hà Nội 1994, trang 289
11. *Nguyễn Văn Kim*: "Ryukyu trong quan hệ với Nhật Bản và Trung Quốc thế kỷ XVII – XVIII", Sdd, tr. 181.
12. *Gregory Smith*: "Vision of Ryukyu", University of Hawaii Press 1999, tr.20
13. *Nguyễn Văn Kim*: "Ryukyu trong quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc thế kỷ XVII – XVIII", Sdd, tr.190-192.
14. *A. Kotaba và M. Matsuda*: "Ryukyuan Relations with Korea and South Sea Countries", Kawakita Printing Co.Ltd, Kyoto, Japan 1969.
15. *A. Kotaba và M. Matsuda*, Sdd, trang 55 - 56.
16. Ở đây chỉ tính những văn bản được dịch cụ thể trong công trình nghiên cứu của A.Kotaba và M.Matsuda, còn những văn bản hoặc chuyến đi chỉ được nhắc tới (trong các bảng danh sách liệt kê) thì chưa được thống kê cụ thể.
17. Văn bản này được gửi vào năm 1509, như vậy lúc đó tên nước ta là Đại Việt chứ không phải là An-nam, nhưng ở đây dùng từ An-nam để tôn trọng ý kiến tác giả cuốn sách.
18. *Trần Khánh*: "Tiếp xúc hội nhập kinh tế Đông Á - Đông Nam Á dưới góc nhìn lịch sử" - "Đông Á - Đông Nam Á - Những vấn đề lịch sử và hiện tại, Nxb Thế giới, H.; 2004, tr. 95
19. *Nguyễn Văn Kim*: "Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV – XVII", Sdd, tr.105
20. Geoff Wade, đã dẫn.